

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/DS-PT
Ngày 24-11-2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đắc Dương

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Huỳnh Văn Hoàng Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 246/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2020/QĐ-PT ngày 12/11/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông Võ Văn P, sinh năm 1968 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn P và bà Nguyễn Thị Kim H: Ông Võ Hùng H là Luật sư của Văn phòng luật sư Huy Hùng, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1927 (chết năm 2019)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn T gồm:

1. Ông Lê Thành R, sinh năm 1979 (có mặt)

2. Ông Lê Thành R1, sinh năm 1978 (có mặt)

3. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1981 (có mặt)

4. Ông Lê Thành V, sinh năm 1962 (vắng mặt)

5. Ông Lê Công N, sinh năm 1968 (vắng mặt)

6. Ông Lê Văn R2, sinh năm 1975 (có mặt)

7. Ông Lê Dũng S, sinh năm 1973 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

8 Ông Lê Quốc D, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Hoàng P, sinh năm 1989 (vắng mặt)

2. Bà Võ Thị Tuyết T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

3. Ông Võ Hữu N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

4. Ông Võ Hoàng A, sinh năm 1993 (có mặt)

5. Ông Lê Thành R, sinh năm 1979 (có mặt)

6. Ông Lê Thành R1, sinh năm 1978 (có mặt)

7. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1981 (có mặt)

8. Ông Lê Thành V, sinh năm 1962 (vắng mặt)

9. Ông Lê Công N, sinh năm 1968 (vắng mặt)

10. Ông Lê Văn R2, sinh năm 1975 (có mặt)

11. Ông Lê Dũng S, sinh năm 1973 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

12. Ông Lê Quốc D, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

13. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1957 (có mặt)

14. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1977 (vắng mặt)

15. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1978 (vắng mặt)

16. Bà Phạm Thị Ngọc B, sinh năm 1985 (vắng mặt)

17. Ông Lâm Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Dũng S, ông Lê Văn R2, ông Lê Thành R1, ông Lê Thành R, bà Lê Thị Thu H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, ông Phạm Văn Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn P, bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Vào

năm 2016 ông P và bà H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T thửa đất 1449, diện tích 470m²; thửa số 1450, diện tích 250m²; thửa số 1451, diện tích 60m², tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đến năm 2006 thì ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất nêu trên. Năm 2011, khi nhà nước làm đường lộ 911 đi qua phần đất trên thì gia đình ông T đem dừa trồng trên thửa 1449 của ông P và lấn chiếm diện tích đất 91,5m² của ông P. Ông P và bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải khôi phục lại tình trạng ban đầu trả lại cho ông bà diện tích đất 91,5m² đã lấn chiếm. Tại phiên tòa sơ thẩm ông P và bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T trả lại cho ông bà diện tích đất 19,8 m².

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T trình bày: Ông Lê Văn T có chuyển nhượng cho ông P và bà H diện tích đất ngang 10 mét, dài 77 mét tại các thửa đất số 1449, 1450, 1451, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Khi chuyển nhượng ông P yêu cầu đo từ thửa số 1451 kéo ra thửa số 1449 (giáp lộ) đủ diện tích 770m² nên diện tích đất còn lại 91m² là của ông T. Khi nhà nước làm đường lộ 911 không có sử dụng diện tích đất 91m² của ông T mà sử dụng phần đất đối diện nên diện tích đất 91m² là của ông T được quyền sử dụng. Ông T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P và bà H; diện tích đất 91m² giáp lộ ông T không có chuyển nhượng cho ông P và bà H nên phía gia đình ông T được quyền sử dụng diện tích đất này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 100, Điều 179, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn P và bà Nguyễn Thị Kim H.

Công nhận phần đất tranh chấp 19,8m² thuộc thửa đất số 1449 (nay là thửa số 160) nằm trong tổng diện tích 470m² do ông P và bà H đứng tên quyền sử dụng đất.

Buộc hàng thừa kế của ông T gồm: Lê Thành R, Lê Thành R1, Lê Thị Thu H, Lê Thành V, Lê Công N, Lê Văn R2, Lê Quốc D, Lê Thị D (bà D chết hàng thừa kế của bà D: Phạm Văn Đ, Phạm Thị C, Phạm Văn V, Phạm Thị Ngọc B) trả cho ông Võ Văn P và bà Nguyễn Thị Kim H diện tích đất 19,8m² thuộc thửa đất số 1449 (nay là thửa số 160) nằm trong tổng diện tích 470m² do ông P và bà H đứng tên quyền sử dụng đất. Đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 126, có độ dài 2.46 mét; hướng Tây giáp thửa số 168, có độ dài 1.50 mét; hướng Nam giáp thửa số 160, có độ dài 10 mét; hướng Bắc giáp lộ có độ dài 10 mét.

Ông P và bà H được quyền sử dụng cây trên phần đất tranh chấp: 02 cây dừa 5 năm tuổi, 01 cây dừa dưới 3 năm tuổi, 01 bụi chuối và trả tiền giá trị cho các thừa kế của ông T là Lê Thành R, Lê Thành R1, Lê Thị Thu H, Lê Thành V, Lê Công N, Lê Văn R2, Lê Quốc D, Lê Thị D (bà D chết hàng thừa kế của bà D: Phạm Văn Đ, Phạm Thị C, Phạm Văn V, Phạm Thị Ngọc B) số tiền 820.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông P và bà H về rút yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn khôi phục lại tình trạng đất như ban đầu, rút yêu cầu khởi kiện diện tích 12,5 m² thuộc đường.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá tài sản, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, ông Lê Dũng S, ông Lê Văn R, ông Lê Thành R2, ông Lê Thành R1, bà Lê Thị Thu H, ông Phạm Văn Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn T với ông Võ Văn P diện tích 780m² thuộc các thửa số 1449, 1450, 1451, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp P, xã Thanh M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 285, 286, 290 và Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo: Kháng cáo của bà Lê Thị Thu H, ông Lê Thành R, ông Lê Thành R1, ông Lê Dũng S, ông Phạm Văn Đ, ông Lê Văn R2 còn trong hạn luật định cần được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Ông Lê Văn T chết ngày 14/4/2019, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là ông Lê Dũng S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan, không tham gia phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia hòa giải.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn T gồm Lê Thành R, Lê Thành R, Lê Thị Thu H, Lê Thành V, Lê Công N, Lê Văn R2, Lê Quốc D, Lê Thị D (bà D chết hàng thừa kế của bà D: Phạm Văn Đ, Phạm Thị C, Phạm Văn V, Phạm Thị Ngọc B) trả cho ông Võ Văn P và bà Nguyễn Thị Kim H diện tích 19,8 m² thuộc thửa 1449 (nay là thửa 160) nằm trong tổng diện tích 470 m² do ông P và bà H đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh nhưng không tuyên buộc anh Lê Dũng S phải có trách nhiệm trả diện tích đất tranh chấp cho ông P và bà H là không đảm bảo cho việc thi hành án, bản án sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn ông Võ Văn P và bà Nguyễn Thị Kim H được quyền sử dụng 02 cây dừa 5 tuổi và 01 cây dừa 3 tuổi, 01 bụi chuối trên đất tranh chấp và phải có nghĩa vụ trả tiền giá trị cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là Lê Thành R, Lê Thành R1, Lê Thị Thu H, Lê Thành V, Lê Công N, Lê Văn R2, Lê Quốc D, Lê Thị D (bà D chết hàng thừa kế của bà D: Phạm Văn Đ, Phạm Thị C, Phạm Văn V, Phạm Thị Ngọc B) số tiền 820.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc trả cho anh Lê Dũng S như vậy là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lê Dũng S. Xét thấy Tòa án nhân dân huyện C giải quyết vụ án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lê Dũng S, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm các con của ông Lê Văn T là ông Lê Dũng S, ông Lê Văn R2, ông Lê Thành R1, ông Lê Thành R, bà Lê Thị Thu H, ông Phạm Văn Đ kháng cáo trong thời hạn luật định nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn T gồm ông Lê Dũng S, ông Lê Văn R2, ông Lê Thành R1, ông Lê Thành R, bà Lê Thị

Thu H, ông Phạm Văn Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn T với ông Võ Văn P diện tích 780 m² thuộc các thửa số 1449, 1450, 1451, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận ông Lê Dũng S là con ruột của ông Lê Văn T và bà Tô Thị M, tại bản khai của ông Lê Dũng S cũng xác định vấn đề này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm thủ tục để đưa ông S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn T để đương sự cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Như vậy, việc ông S không được tham gia phiên họp đã làm ảnh hưởng đến quyền được đưa ra yêu cầu của mình được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bản án sơ thẩm tuyên buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T gồm: Lê Thành R, Lê Thành R1, Lê Thị Thu H, Lê Thành V, Lê Công N, Lê Văn R2, Lê Quốc D, Lê Thị D (bà D chết hàng thừa kế của bà D: Phạm Văn Đ, Phạm Thị C, Phạm Văn V, Phạm Thị Ngọc B) trả cho ông Võ Văn P và bà Nguyễn Thị Kim H diện tích đất 19,8 m² thuộc thửa đất số 1449 (nay là thửa số 160) nằm trong tổng diện tích 470 m² do ông P và bà H đứng tên quyền sử dụng đất, trong khi đó ông Lê Dũng S là con của ông Thôi, là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T khi ông T chết nhưng bản án sơ thẩm không tuyên buộc ông Lê Dũng S có trách nhiệm trả diện tích đất tranh chấp cho ông P và bà H là không đảm bảo cho việc thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời bản án sơ thẩm có tuyên buộc ông P và bà H được quyền sử dụng tài sản của ông T gồm 02 cây dừa 05 năm tuổi, 01 cây dừa dưới 03 năm tuổi, 01 bụi chuối và phải có nghĩa vụ trả giá trị cho các thừa kế của ông T là Lê Thành R, Lê Thành R1, Lê Thị Thu H, Lê Thành V, Lê Công N, Lê Văn R2, Lê Quốc D, Lê Thị D (bà D chết hàng thừa kế của bà D: Phạm Văn Đ, Phạm Thị C, Phạm Văn V, Phạm Thị Ngọc B) số tiền 820.000 đồng. Nhưng Tòa án không tuyên buộc ông P và bà H trả cho ông Lê Dũng S là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông S.

Xét thấy việc đưa không đầy đủ người tham gia tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục tại phiên tòa được nên cần hủy bản án sơ thẩm để giao toàn bộ hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là phù hợp với quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tại phiên tòa, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị Thu H yêu cầu Tòa án hoãn phiên tòa để tiến hành khảo sát, định giá lại tài sản tranh chấp. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hoãn phiên tòa để thẩm định, định giá lại tài sản và không xem xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự. Mà yêu cầu của bà Lê Thị Thu H và các đương sự sẽ được xem xét giải quyết theo quy định pháp luật khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[5] Khi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm cần lưu ý đến thủ tục tố tụng của ông Lâm Văn T cũng như thủ tục tố tụng của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị D.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Theo khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm thì đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm”. Cho nên, ông Lê Dũng S, ông Lê Văn R2, ông Lê Thành R1, ông Lê Thành R, bà Lê Thị Thu H, ông Phạm Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại phần tạm ứng án phí phúc thẩm mà đương sự đã nộp.

Về chi phí tố tụng: Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá tài sản sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Võ Văn P, bà Nguyễn Thị Kim H với bị đơn ông Lê Văn T.

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí và chi phí tố tụng: Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá tài sản sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ông Lê Dũng S, ông Lê Văn R2, ông Lê Thành R1, ông Lê Thành R, bà Lê Thị Thu H, ông Phạm Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Dũng S, ông Lê Văn R2, ông Lê Thành R1, ông Lê Thành R, bà Lê Thị Thu H, ông Phạm Văn Đ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0009882 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Đắc Dương